TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **HÀ NỘI** ❋❋❋	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Bản án số: **03**/2021/DSST Ngày: 14/01/2022 *"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	**NHÂN DANH** **N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà ***Đào Thị Hồng Lý.***
- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Nguyễn Đình Hiền.***
2. Ông ***Nguyễn Văn Thông.***

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông ***Nguyễn Mạnh Đức*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:* Ông ***Nguyễn Ngọc Sơn*** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 73/2021/QĐST-DS ngày 28/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số 25 đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội;
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện theo ủy quyền lần 1: Ông Vũ Đình K - Phó Tổng Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 359/2018/UQ-SeABank ngày 20/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đ).

Đại diện theo ủy quyền lần 2: Ông Nguyễn Chiến T2; ụng Lờ Văn H1 - Chuyờn viờn xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 1457229 ngày 19/10/2020). (Ông T2 có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1976.

2.2 Bà Đỗ Thị Lan H2, sinh năm 1976.

Hiện đều trú tại: Số nhà 01, hẻm 159/10/6 đường L, tổ dân phố K, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

(Ông L, bà H2 vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952 (mẹ đẻ của ông L);

3.2 Anh Nguyễn Bá H3, sinh năm 1996.

3.3 Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 2001.

3.4 Cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 2017 (Con gái của ông L, bà H2); Ông L, bà H2 là người đại diện theo pháp luật.

Hiện đều trú tại: Số nhà 01 hẻm 159/10/6 đường L, tổ dân phố K, phường D, quận H, thành phố Hà Nội.

(Bà M, anh H3, chị Q và người đại diện theo pháp luật cho cháu N là ông L, bà H2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng th- ơng mại cổ phần Đ trình bày:

1. Ngày 21/11/2019 Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C có ký Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL với ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 có nội dung Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C cho ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 vay 2.000.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích vay: vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho 12 tháng đầu tiên của khoản vay là 9,69%/năm. Hết thời hạn 12 tháng, Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý theo công thức: Lãi suất trong hạn (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cho cá nhân kỳ hạn 14 tháng lĩnh lãi cuối kỳ (VND) cao nhất áp dụng (+) Biên độ 4,49%/năm; lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay.

2. Tại ủy nhiệm chi ngày 27/11/2019, ông L và bà H2 đã được giải ngân toàn bộ số tiền 2.000.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C.

Ngoài ra, ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 còn vay Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/11/2019 với hạn mức là: 100.000.000 đồng.

3. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng 157,6m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 01, xóm K, thôn L, xã D, thị xã D, tỉnh Hà Tây (nay là phường D, quận H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD135855 do UBND thị xã H, tỉnh Hà Tây

cấp ngày 20/11/2006 cho Hộ ông Nguyễn Bá X. Ngày 19/5/2017, tài sản đã được đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Bá L tại Văn phòng đăng ký đất đai H - Chi nhánh quận H, được bên thế chấp thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2016.2019/HĐTC, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng C, thành phố Hà Nội. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp ngày 21/11/2019.

4. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà H2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ được tổng số tiền là: 206.655.706 đồng, trong đó gồm: 109.833.056 đồng nợ gốc; 96.822.650 đồng nợ lãi; sau đó không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nữa. Vì vậy toàn bộ khoản vay trên của ông L, bà H2 đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 27/05/2020. Ngõn hàng đó nhiều lần đụn đốc, nhắc nhở ụng L, bà H2 thanh toỏn tiền trả ngõn hàng nhưng ụng L, bà H2 khụng thanh toỏn trả. Việc ụng L, bà H2 chậm thanh toỏn trả nợ cho Ngõn hàng đó vi phạm hợp đồng tớn dụng hai bờn đó ký kết, xõm phạm đến quyền và lợi ớch hợp phỏp của Ngõn hàng.

5. Nay Ngõn hàng TMCP Đ khởi kiện đề nghị Tũa ỏn giải quyết những vấn đề sau đõy:

- Buộc ông L, bà H2 thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ký ngày 21/11/2019 và Thẻ tín dụng VISA tạm tính đến ngày 19/10/2020 là: 2.053.508.634 đồng (bao gồm: 1.988.973.146 đồng nợ gốc; 61.715.040 đồng nợ lãi trong hạn và 2.820.448 đồng nợ lãi quá hạn).

- Trường hợp ông L, bà H2 không trả được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên Ngõn hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 157,6m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 01, xóm K, thôn L, xã D, thị xã H, tỉnh Hà Tây (nay là phường D, quận H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD135855 do UBND thị xã H, tỉnh Hà Tây cấp ngày 20/11/2006 cho Hộ ông Nguyễn Bá X. Ngày 19/5/2017, tài sản đã được đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Bá L tại Văn phòng đăng ký đất đai H - Chi nhánh quận H để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

6. Bị đơn ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2: Ông Nguyễn Bá L thừa nhận cùng vợ là bà Đỗ Thị Lan H2 và Ngân hàng TMCP Đ có ký Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ngày 21/11/2019 và Hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ngày 05/11/2019 với hạn mức là: 100.000.000 đồng. Đến nay còn nợ số nợ gốc và nợ lãi đúng như Ngân hàng trình bày như đã nêu trên. Nếu chúng tôi không trả được nợ và Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo thì chúng tôi cũng đồng ý.

Tài sản trên sau khi thế chấp đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không thay đổi, sửa chữa, tu tạo bất kỳ hạng mục gì. Vợ chồng chúng tôi không sử dụng tài sản thế chấp vào bất cứ giao dịch dân sự nào khác. Tài sản trên hiện do tôi là Nguyễn Bá L, vợ tôi là Đỗ Thị Lan H2, mẹ ông L là bà Nguyễn Thị M và 03 con của ông L và bà H2 đang ở, quản lý và sử dụng.

Bị đơn là bà Đỗ Thị Lan H2 không đên tòa làm việc, cũng không trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Bá H3, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Quỳnh N (do ông L, bà H2 là người đại diện theo pháp luật) đều không đến toà làm việc cũng khụng trỡnh bày ý kiến, quan điểm của mỡnh đối với yờu cầu khởi kiện của Ngõn hàng. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiờn toà:

- Nguyờn đơn vẫn giữ nguyờn quan điểm khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Bá H3 chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Quỳnh N (do ông L, bà H2 là người đại diện theo pháp luật) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sỏt nhõn dõn quận Hà Đụng phỏt biểu: Việc thụ lý, giải quyết vụ ỏn được Thẩm phỏn thực hiện theo đỳng quy định của phỏp luật; tuy nhiờn quỏ trỡnh giải quyết đương sự khụng hợp tỏc dẫn đến vụ việc bị kộo dài; tại phiờn toà Hội đồng xột xử tiến hành đỳng thủ tục tố tụng, đề nghị Toà ỏn căn cứ vào cỏc quy định của phỏp luật để xột xử. Về nội dung: yờu cầu khởi kiện của Ngõn hàng là cú căn cứ nờn đề nghị Hội đồng xột xử xem xột chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ký ngày 21/11/2019 và Thẻ tín dụng VISA giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C và ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan

H2. Do ông L và bà H2 trú tại Số nhà 01 hẻm 159/10/6 đường L, tổ dân phố K, phường D, quận H, thành phố Hà Nội, vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Hà Đông giải quyết sơ thẩm.

Ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Bá H3, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Quỳnh N (do ông L, bà H2 là người đại diện theo pháp luật) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về khoản nợ gốc là 1.890.166.944 đồng của Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ký ngày 21/11/2019 và 102.464.678 đồng của Thẻ tín dụng VISA, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 21/11/2019, Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Bá L, bà Đỗ Thị Lan H2, ký Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ký ngày 21/11/2019. Theo hợp đồng, Ngân hàng TMCP Đ cho ông Nguyễn Bá L, bà Đỗ Thị Lan H2 vay số tiền 2.000.000.000 đồng; Hợp đồng được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bằng Ủy nhiệm chi ngày 27/11/2019 Ngân hàng Đ đã giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông L, bà H2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà H2 đã thanh toán trả cho ngân hàng TMCP Đ 109.833.056 đồng. Tính đến nay, số tiền nợ gốc ông L, bà H2 còn nợ Ngân hàng Đ là 1.890.166.944 đồng. Do vậy, yêu cầu đòi khoản nợ gốc của Ngân hàng là có cơ sở cần được chấp nhận.

Đối với khoản tiền 102.464.678 đồng của Thẻ tín dụng VISA, ngày 05/11/2019, Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Bá L, bà Đỗ Thị Lan H2 đã có đơn đề nghị vay vốn và đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng với hạn mức là 100.000.000 đồng. Tính đến nay, số tiền nợ gốc ông L, bà H2 còn nợ Ngân hàng Đ là 102.464.678 đồng. Do vậy, yêu cầu đòi khoản nợ gốc của Ngân hàng theo thẻ tín dụng VISA là có cơ sở cần được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ nợ gốc (Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ký ngày 21/11/2019 và Thẻ tín dụng VISA) mà phía nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: **1.992.631.622** đồng. Cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền này cho nguyên đơn.

2.2 Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về các khoản nợ lãi gồm có: lãi trong hạn: 326.046.046 đồng; lãi quá hạn: 111.834.484 đồng tạm tính đến hết ngày 14/01/2022, tổng cộng: 437.880.530 đồng. Tòa nhận thấy:

2.2.1 Về lãi trong hạn: Ngân hàng TMCP Đ và ông L, bà H2 ký Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ngày 21/11/2019, tại Điều 2 mục 4 điểm 4.1 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết có thỏa thuận về mức lãi suất cho vay như sau: "…Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,69%/năm; Lãi suất cho vay trong hạn se đươck cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi của lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 27/11/2020, điều chỉnh sau đó vào ngày làm việc đầu tiên của quý liền kề tiếp theo. Mức điều chỉnh lãi xuất được xác định bằng (=) lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng Đ đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh công với biên độ 4,49%/năm". Xét lãi suất các bên có thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

2.2.2 Về khoản lãi quá hạn các bên có thỏa thuận tại Điều 2 mục 4 điểm 4.4 như sau: "Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn". Ngân hàng đã tính toán khoản lãi này đối với ủy nhiệm chi ngày 27/11/2019 cụ thể như sau: khoản lãi quá hạn được chuyển từ ngày 27/05/2020 đến ngày xét xử (14/01/2021) là: 65.215.674 đồng đối với Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ngày 21/11/2019 và 46.618.810 đồng đối với thẻ tín dụng VISA, tổng là: 111.834.484 đồng. Xét lãi suất nợ quá hạn các bên có thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

Như vậy, tổng số tiền nợ lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn) mà phía nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: 437.880.530 đồng. Cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền này cho nguyên đơn.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay, Tòa nhận thấy:

Tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ngày 21/11/2019 thỏa thuận về tài sản bảo đảm: thế chấp tài sản bảo đảm là bất động sản tại thửa đất số: 1125, tờ bản đồ số 01, xóm K, thôn L, xã D, thị xã H, tỉnh Hà Tây (nay là phường D, quận H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD135855 do UBND thị xã H, tỉnh Hà Tây cấp ngày 20/11/2006 cho Hộ ông Nguyễn Bá X. Ngày 19/5/2017, tài sản đã được đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Bá L tại Văn phòng

đăng ký đất đai H - Chi nhánh quận H.

Các điều khoản này đã được các bên cụ thể hóa tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 2016.2019/HĐTC ngày 21/11/2019 quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng C, thành phố Hà Nội lập tại trụ sở Văn phòng công chứng C, thành phố Hà Nội giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Bá L; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đ thể hiện: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 157,6m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 01, xóm K, thôn L, xã D, thị xã H, tỉnh Hà Tây (nay là phường D, quận D, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD135855 do UBND thị xã H, tỉnh Hà Tây cấp ngày 20/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Bá X. Ngày 19/5/2017, tài sản đã được đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Bá L tại Văn phòng đăng ký đất đai H - Chi nhánh quận H. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp ngày 21/11/2019.

Do Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Bá L đều được các bên tự nguyện tham gia ký kết và được lập tại phòng công chứng, đúng quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký đảm bảo tại cơ quan có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Vì vậy yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đ- ợc chấp nhận nên trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; đồng thời buộc bị đơn là ông Nguyễn Bá L, bà Đỗ Thị Lan H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền khỏng cỏo: Theo quy định tại Điều 147; 271; 273 Bộ lu?t tố tụng dõn sự, cỏc duong s? cú m?t được quyền khỏng cỏo trong th?i hạn 15 ngày kể từ ngày tuyờn ỏn, duong s? v?ng m?t tại phiờn toà cú quyền khỏng cỏo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ỏn, hoặc bản ỏn được niờm yết.

Vỡ cỏc lẽ trờn;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119, các Điều 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 398, 401, 463, các khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí toà án.

Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2.

2. Buộc ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF1931700247/HDTD/HNL-NBL ngày 21/11/2019 và Thẻ tín dụng VISA, tạm tính đến này 14/01/2022 gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 1.992.631.622 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 326.046.046 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 111.834.484 đồng.

Tổng nợ: 2.430.512.152 đồng (hai tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, năm trăm mười hai nghìn, một trăm năm mươi hai đồng chẵn).

Kể từ ngày 15/01/2022, ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc ch- a thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng t- ơng ứng với thời gian và số tiền ch- a thi hành án cho đến khi thanh toán xong.

3. Tr- ờng hợp ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 không thanh toán đ- ợc số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ là Quyền sử dụng 157,6m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 01, xóm K, thôn L, xã D, thị xã H, tỉnh Hà Tây (nay là phường D, quận H, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD135855 do UBND thị xã H, tỉnh Hà Tây cấp ngày 20/11/2006 cho hộ ông Nguyễn Bá X. Ngày 19/5/2017, tài sản đã được đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Bá L tại Văn phòng đăng ký đất đai H - Chi nhánh quận H, được bên thế chấp thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2016.2019/HĐTC, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng C, thành phố Hà Nội. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp ngày 21/11/2019.

Trong trường hợp số tiền phát mại từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Tr- ờng hợp ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 trả đ- ợc toàn bộ khoản nợ trên thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Bá L và bà Đỗ Thị Lan H2 phải nộp 80.610.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 36.500.000 đồng (đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009029 ngày 22/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông).

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án buộc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai sơ thẩm: Đ- ơng sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đ- ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Hồng Lý

Nơi nhận
-TAND TP Hà Nội.
- VKS ND quận Hà Đông.
- THA DS quận Hà Đông.
- Đ- ơng sự.
-L- u.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**